

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 68

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI



Biến cơ hội thành giá trị

Trụ sở chính: Tầng 3, TT Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3818 1888

Fax: (84-4) 3818 1688

Chi nhánh Tp.HCM: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3915 1368

Fax: (84-8) 3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng: 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 3525 777

Fax: (84-511) 3525 779

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 68

Địa chỉ: 126/20 Đặng Văn Bi, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh .

Điện thoại: (08) 38967521 Fax: (08) 38963133

TỔ CHỨC CHÀO BÁN

CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM

DATC

Trụ sở chính : Số 51 Quang Trung, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3945 4738 Fax: (84-4) 3945 4737

MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	3
II.	CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT CHÀO BÁN	3
III.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	3
IV.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	6
V.	CÁC KHÁI NIỆM.....	7
VI.	THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY	7
1.	Giới thiệu về Công ty.....	7
1.1.	Những thông tin chung về Công ty	7
1.2.	Ngành, nghề kinh doanh.....	8
2.	Quá trình hình thành và phát triển	8
3.	Cơ cấu tổ chức Công ty	9
4.	Cơ cấu cổ đông.....	11
4.1.	Cơ cấu vốn cổ phần tại thời điểm 30/09/2014.....	11
4.2.	Danh sách cổ đông nắm giữ 5% cổ phần trở lên tại 30/09/2014.....	11
4.3.	Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con, công ty liên kết với Công ty 68	11
5.	Hoạt động kinh doanh	12
5.1.	Sản phẩm của Công ty.....	12
5.2.	Nguyên vật liệu	12
5.3.	Chi phí sản xuất qua các năm	13
5.4.	Trình độ công nghệ	14
6.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	14
6.1.	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong khoảng 3 năm gần đây	14
6.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	15
7.	Thuận lợi và khó khăn của Công ty	15
7.1.	Một số thuận lợi và khó khăn	15
9.	Chính sách đối với người lao động.....	17
9.1.	Cơ cấu lao động	17
9.2.	Chính sách đối với người lao động.....	18
10.	Chính sách cổ tức.....	18
11.	Tình hình tài chính.....	18
11.1.	Các chỉ tiêu cơ bản.....	19
11.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	20
11.3.	Một số thông tin lưu ý về BCTC 2013 đã kiểm toán.....	22
12.	Tài sản	22
12.1.	Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 30/06/2014.....	22
12.2.	Tình hình sử dụng đất đai.....	23
13.	Kế hoạch phát triển kinh doanh trong thời gian tới	23
14.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	24
VII.	THAY LỜI KẾT	24

THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN**1. Tổ chức phát hành**

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 68
 Tên Tiếng Anh : CIVIL ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY 68
 Tên viết tắt : CIENCO 68
 Địa chỉ : 126/20 Đặng Văn Bi, phường Bình Thới, Q. Thủ Đức, TP.HCM.
 Điện thoại : (08) 3896 7521
 Fax : (08) 3896 3133

2. Cổ phần chào bán

Số lượng cổ phần chào bán : 96.040 cổ phiếu
 Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần
 Nợ phải thu bán kèm cổ phần : 5.041.684.316 đồng
 Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông
 Phương thức chào bán : Chào bán đấu giá công khai có sự cạnh tranh về giá
 Giá khởi điểm (bán trọn lô cổ phần và nợ phải thu) : **3.508.420.000** đồng

3. Công bố thông tin và địa điểm tổ chức mua cổ phần

- Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin, nhận đăng ký tham gia đấu giá, nhận tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá, nhận phiếu tham dự đấu giá:

- Theo quy chế bán đấu giá cổ phần Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68 do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội ban hành (Gọi tắt là Quy chế đấu giá).

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT CHÀO BÁN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Căn cứ Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính Phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Căn cứ văn bản số 800/MBN-QLĐT phê duyệt giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần và cả lô cổ phần kèm nợ phải thu tại Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 68;

- Căn cứ Hợp đồng số 07/2014/HĐTVTC/SHS.HCM.TV ngày 01/12/2014 giữa Chi nhánh TP. HCM Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam về dịch vụ tổ chức bán đấu giá cổ phần;

- Và các văn bản pháp lý khác liên quan.

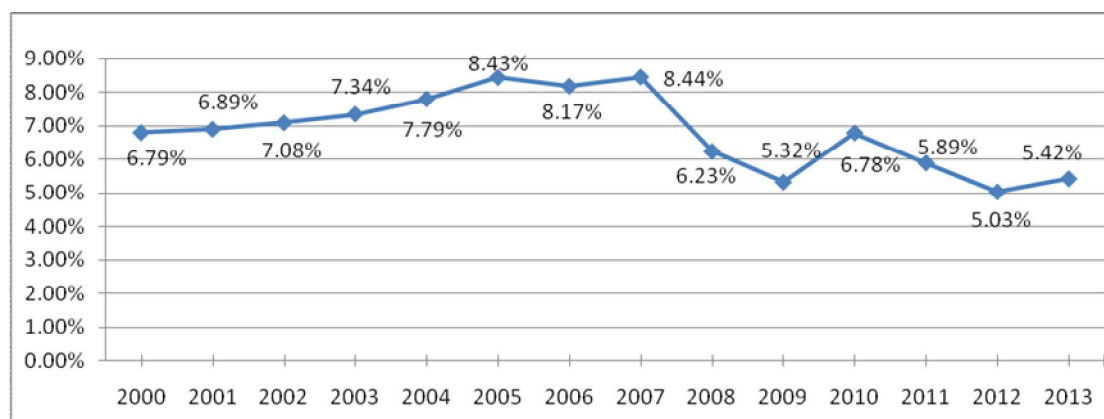
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**1. Rủi ro về kinh tế**

❖ **Tăng trưởng kinh tế:**

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Kinh tế Việt Nam có xu hướng tăng dần trong những năm 2000 – 2007 với tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 7,8%. Tuy nhiên cuộc khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn trong năm 2008 đã đẩy nền kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái, làm hẹp thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội khác của nước ta, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước năm 2008 chỉ đạt 6,18% và con số này trong năm 2009, 2010 và 2011 sau nhiều nỗ lực phục hồi nền kinh tế của Chính phủ cũng tương ứng chỉ là 5,32%, 6,78% và 5,89%.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục thống kê

Năm 2012, tình hình kinh tế trong nước tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn. Tăng trưởng kinh tế năm 2012 tiếp tục chậm lại (chỉ đạt 5,03%, thấp hơn chỉ tiêu năm 2011; mặt bằng lãi suất vẫn ở mức cao, tuy vậy lạm phát đã được kiềm chế xuống còn một chữ số).

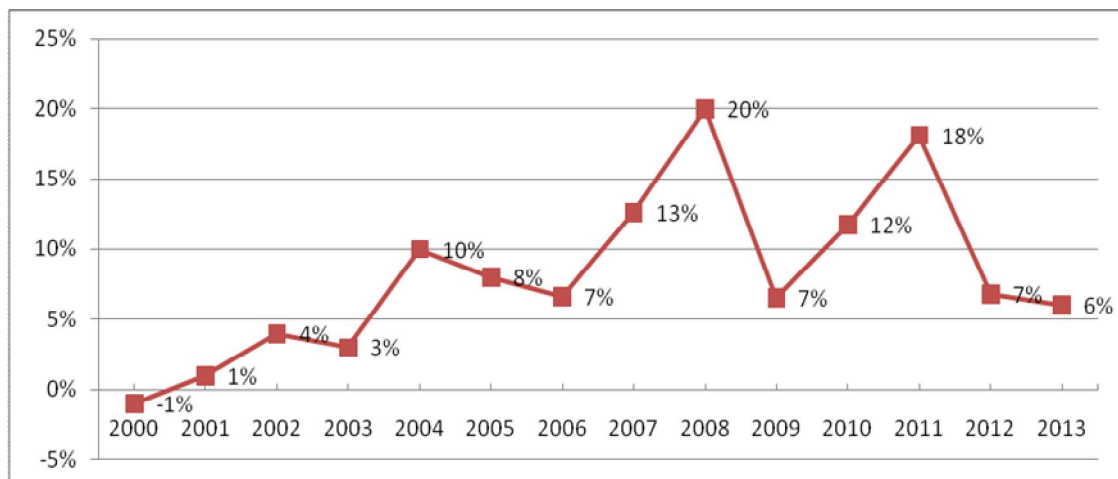
Năm 2013, kinh tế Việt Nam đã có những biến chuyển theo hướng tích cực hơn, GDP năm 2013 tăng hơn 5,42%, cải thiện tích cực so với mức tăng 5,25% của năm 2012. Theo dự báo trong năm 2014, tăng trưởng GDP sẽ ở mức 5,8%. Nhìn chung tốc độ tăng trưởng GDP vẫn còn chậm so với mục tiêu đề ra.

Những khó khăn và bất ổn kinh tế trong những năm gần đây đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mặc dù nền kinh tế đang dần thoát ra khỏi giai đoạn suy thoái, nhưng để tiếp tục tồn tại và phát triển, đòi hỏi Công ty phải luôn chủ động, nhạy bén, kịp thời có các giải pháp, biện pháp vượt qua khó khăn thách thức, tận dụng triệt để các cơ hội có được để phát triển vươn lên.

❖ **Lạm phát:**

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các chi phí nguyên vật liệu đầu vào và các chi phí sản xuất kinh doanh khác. Tại Việt Nam, tỷ lệ lạm phát đã tăng từ 6,6% năm 2006 lên 12,6% trong năm 2007, đặc biệt năm 2008 tỷ lệ lạm phát đã tăng lên tới 19,87%. Năm 2009, nhờ các nỗ lực kiểm soát lạm phát của Chính phủ và Nhà nước, tỷ lệ lạm phát giảm xuống còn 6,9%. Tuy nhiên, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam năm 2010 tăng tới 11,8%.

Tính chung trong giai đoạn 2001-2010, lạm phát của Việt Nam đã tăng trung bình trên 8,8%/năm, vượt xa con số của một số quốc gia khác trong khu vực như Thái Lan (2,7%) hay Trung Quốc (2,1%).

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam

Nguồn: Tổng cục thống kê

Đặc biệt, chỉ số giá tiêu dùng năm 2011 đã tăng tới 18,13% so với tháng 12 năm 2010, vượt xa chỉ tiêu 7% đặt ra từ đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu của sự tăng mạnh này là do những biến động về giá vàng, tỷ giá USD, lãi suất, nhập siêu cao... đã kéo theo nhiều mặt hàng trong nước tăng giá. Ngoài ra, giá cả của các mặt hàng công nghiệp, lương thực tăng mạnh cũng đã góp phần gây ra tình trạng lạm phát tăng cao gần đây. Năm 2012, với mục tiêu chính trong công tác điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ là kiềm chế lạm phát, Việt Nam đã đạt được kết quả khả quan với tỷ lệ lạm phát của cả năm 2012 dừng lại tại mức 6,8%.

Theo thông báo của Tổng Cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2013 tăng 6,04% so với cùng kỳ năm trước, song vẫn thấp hơn mức tăng cùng kỳ năm ngoái. Trong năm 2013, cung cầu hàng hóa trong nước cơ bản ổn định, giá một số hàng hóa thiết yếu như lương thực, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, xi măng, ... ở mức ổn định. Theo dự báo trong năm 2014, chỉ số giá tiêu dùng ở mức 7%, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới. Mọi sự thay đổi về chính sách quản lý cũng như sự thay đổi về các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp nói chung cũng như của các doanh nghiệp trong ngành luôn có thể xảy ra, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro hoạt động kinh doanh

❖ Rủi ro hoạt động

Đặc thù hoạt động của Công ty là thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần, song song với đó là việc giải ngân thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, có nhiều dự án, công trình xây dựng chủ đầu tư lập dự toán còn thiếu tương xứng với nguồn vốn đầu tư dẫn tới thời gian thi công bị kéo dài, điều đó càng làm chậm tiến độ giải ngân, thanh quyết toán của các công trình, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty, đôi khi phản ánh không đúng hiệu quả kinh doanh cũng như kết quả doanh thu, lợi nhuận của Công ty giữa các quý hoạt động cũng như trong năm tài chính.

Để khắc phục rủi ro này Công ty thực hiện biện pháp tập trung đẩy nhanh tiến độ công trình, tăng cường công tác nghiệm thu thanh toán thu hồi vốn, thi công đến đâu nghiệm thu ngay đến đó.

❖ **Rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào**

Với đặc thù của một đơn vị thi công, chi phí nguyên vật liệu của Công ty chiếm tỷ lệ khá lớn trong tổng chi phí, bên cạnh đó công nghệ thi công của Công ty chủ yếu dựa vào hệ máy móc thiết bị cơ giới, để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Tuy nhiên, nguồn nguyên nhiên vật liệu hiện nay Công ty sử dụng chịu khá nhiều ảnh hưởng của sự biến động của giá cả nhiên liệu trong nước và thế giới, giá cả các loại vật liệu xây dựng như xi măng, sắt thép, giá xăng dầu,... đều có xu hướng ngày càng tăng do đó tác động không nhỏ đến tình hình và kết quả kinh doanh của Công ty. Xác định được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm tạo sự ổn định cho nguồn nguyên nhiên vật liệu như việc ký kết các hợp đồng có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động, ký các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu dài hạn và tạo dựng mối quan hệ làm ăn uy tín, bền vững với các nhà cung cấp,... nhằm hạn chế tối đa rủi ro này.

❖ **Rủi ro về thị trường và cạnh tranh:**

Thị trường xây dựng phụ thuộc nhiều vào kế hoạch đầu tư, khối lượng và tiến độ thi công các công trình, trong khi đó số lượng doanh nghiệp tham gia kinh doanh trong lĩnh vực này ngày càng nhiều dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Cạnh tranh một mặt không thể tránh khỏi áp lực phải hạ giá thi công, doanh số và lợi nhuận, mặt khác lại đòi hỏi các doanh nghiệp xây dựng phải có giải pháp hợp lý để tiếp cận thị trường, duy trì và gia tăng thị phần tiêu thụ nhưng đồng thời vẫn phải đảm bảo được chất lượng và tiến độ bàn giao thành phẩm.

❖ **Rủi ro về mặt kỹ thuật:**

Lĩnh vực xây dựng đòi hỏi phải có hệ thống thiết bị kỹ thuật và máy móc thi công phù hợp và đảm bảo. Với sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học kỹ thuật thì sự lỗi thời là khó tránh khỏi, đòi hỏi Công ty phải có chế độ khấu hao và kế hoạch mua sắm máy móc trang thiết bị hợp lý nhằm giảm thiểu giá thành nhưng vẫn đảm bảo hệ thống kỹ thuật phục vụ thi công xây dựng.

❖ **Rủi ro về lãi suất và khả năng thanh toán:**

Rủi ro này xuất phát từ đặc thù của ngành xây dựng đó là các dự án thi công thường có thời hạn tương đối dài trong khi vốn đầu tư lớn, nguồn vốn ứ đọng tại các công trình nhiều, các khoản phải thu khách hàng chưa thu hồi được ngay, do đó Công ty phải huy động vốn từ nhiều nguồn, nợ phải trả thường xuyên chiếm tỷ trọng cao. Đối với các khoản nợ vay, Công ty phải trả chi phí sử dụng vốn nên sẽ không thể tránh khỏi rủi ro về lãi suất và rủi ro về khả năng thanh toán khi không thu hồi kịp thời các khoản nợ từ khách hàng. Để khắc phục những tồn tại trên, Công ty buộc phải thực hiện các biện pháp như kiểm soát chặt chẽ các khoản công nợ phải thu và thực hiện việc tái cấu trúc nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng nguồn vốn dài hạn trong tổng nguồn vốn của Công ty.

4. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh,... Đây là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Chủ sở hữu vốn

Ông: Kiều Ngọc Cầu

Chức vụ: Giám đốc

Đại diện Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM

2. Doanh nghiệp bán đấu giá

Ông: Nguyễn Hùng Phong Chức vụ: Tổng Giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

3. Tổ chức thực hiện bán đấu giá**CHI NHÁNH TP. HCM****CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Bà: Phạm Thị Thanh Nhân Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách điều hành

(Theo Giấy ủy quyền số 01/2014/UQ-GĐ ngày 09/07/2014)

Bản Công bố thông tin này là một phần của hồ sơ thoái vốn của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68 do Chi nhánh TP. HCM Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tư vấn soạn thảo trên cơ sở Hợp đồng đã ký kết với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cần trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68 cung cấp.

V. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản công bố thông tin này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Bản công bố thông tin: Bản công bố thông tin của Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68 về những nội dung liên quan đến việc chào bán cổ phần;
- Công ty Mua bán nợ: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam;
- DATC: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam;
- Công ty: Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68;
- SHS: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội;
- Cổ đông: Tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68 ;
- Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau;
- Cổ phiếu: Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68;
- Cổ tức: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận của Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68 sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính;
- Điều lệ: Điều lệ của Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68;
- Năm tài chính: Tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm;
- Vốn điều lệ: Số vốn do cổ đông góp được ghi trong Điều lệ của Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68.

Ngoài ra, những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như Quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

VI. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY**1. Giới thiệu về Công ty****1.1. Những thông tin chung về Công ty**

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68
- Tên tiếng anh: Civil Engineering Joint Stock Company 68
- Tên viết tắt: Cienco 68
- Địa chỉ: 126/20 Đặng Văn Bi, phường Bình Thới, Q. Thủ Đức,

TP.HCM.

- Điện thoại: (08) 3896 7521
- Fax: (08) 3896 3133
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 0301078017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/05/2006, đăng ký thay đổi lần 02 ngày 17/4/2013.
- Sản phẩm dịch vụ chủ yếu: Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng; Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, vật liệu xây dựng;
- Vốn thực góp (tính đến thời điểm 30/09/2014): 9.604.000.000 đồng (chín tỷ sáu trăm linh tư triệu đồng).

1.2 Ngành, nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301078017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/05/2006, đăng ký thay đổi lần 02 ngày 17/4/2013, Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68 kinh doanh các ngành nghề sau:

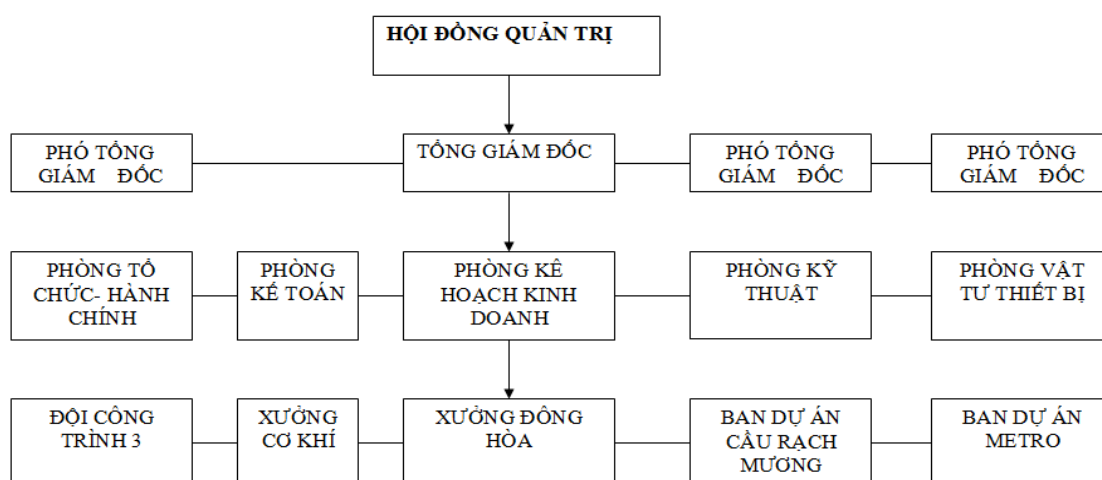
- Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng;
- Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, vật liệu xây dựng;
- Gia công chế biến sửa chữa cơ khí, xe máy thi công;
- Xây dựng: cơ sở kỹ thuật hạ tầng khu đô thị, dân cư, khu công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước, đường dây trạm biến thế đến 35KV;
- Sản xuất, khai thác đá;
- Sản xuất mua bán vật liệu xây dựng, bê tông thương phẩm, sản phẩm gỗ;
- Sản xuất, lắp dựng kết cấu thép, cầu kiện bê tông cốt thép thường, dầm ứng lực (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán sắt thép, xi măng, vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, phụ tùng giao thông vận tải, ngành xây dựng, gỗ nguyên liệu (rừng trồng);
- Đại lý kinh doanh xăng dầu, mỡ;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ: thí nghiệm nén tĩnh tải dọc, ngang cọc, nền móng, siêu âm cọc bê tông cốt thép, thí nghiệm biến dạng nhỏ, lớn, thí nghiệm đất nền bằng phương pháp xuyên tĩnh, khoan mùn đầu cọc, lấy lõi bê tông, thí nghiệm để kiểm tra chất lượng nền móng công trình, khoan cọc nhồi;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, theo hợp đồng;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;
- Trang trí nội ngoại thất;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68 trước đây là Công ty tư nhân có tên là VINAMECO (theo Quyết định số 50 CT ngày 05/03/1977 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải). Tháng 7/1977 được thành lập có tên Công ty công trình hợp danh 471 làm nhiệm vụ sửa chữa nâng cấp tuyến đường sắt thống nhất bắc- nam (từ Tp. HCM đến Đà Nẵng).

- Năm 1980 Công ty được chuyển thành xí nghiệp quốc doanh, tên gọi là Công ty Công trình 47 trực thuộc Xí nghiệp liên hiệp công trình 4.
- Năm 1982 đổi tên xí nghiệp xây dựng giao thông 68 – quyết định số 2172 ngày 28/12/1982 của Bộ Giao thông vận tải.
- Năm 1989 theo quyết định số 977/TCCB-LĐ ngày 31/05/1989 của Bộ Giao thông vận tải đổi tên thành Công ty Công trình giao thông 68.
- Năm 1993 theo quyết định số 939/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17/05/1993 của Bộ Giao thông vận tải thành lập doanh nghiệp nhà nước Công ty công trình giao thông 68.
- Ngày 30/9/2005 theo quyết định số 3659/QĐ-BGTVT phê duyệt phương án cổ phần doanh nghiệp nhà nước Công ty công trình giao thông 68 thành Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68, đơn vị thành viên của Tổng Công ty công trình giao thông 6. Được tổ chức và hoạt động theo điều lệ của Công ty cổ phần và luật doanh nghiệp được đăng ký kinh doanh theo luật định.
- Ngày 15/4/2006 Đại hội cổ đông lần đầu thông qua điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và bầu HĐQT, bổ nhiệm Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty. Ngành nghề kinh doanh chính là thi công công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn...thi công nền móng công trình dân dụng và công nghiệp, thí nghiệm kiểm tra chất lượng cọc....

3. Cơ cấu tổ chức Công ty



❖ Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng Quản trị của Công ty.

❖ Hội đồng quản trị (HĐQT)

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Hiện tại HĐQT Công ty gồm có 5 thành viên.

❖ **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Quyền và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty. Hiện tại Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên.

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Quyền và trách nhiệm của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

Chức năng nhiệm vụ các phòng nghiệp vụ và Đội thi công:□ **Các phòng nghiệp vụ:**

- Phòng kế hoạch kinh doanh: Phòng kế hoạch kinh doanh là phòng quản lý chuyên môn thuộc bộ máy công ty có chức năng nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo (Tổng giám đốc) trong lĩnh vực kế hoạch sản xuất kinh doanh. Tìm kiếm việc làm, mở rộng quan hệ, liên doanh liên kết, hợp đồng kinh tế, giá cả, thanh quyết toán hợp đồng kinh tế, điều độ sản xuất, tham mưu chính trong công tác đấu thầu và khoán nội bộ của Công ty

- Phòng Kỹ thuật: Phòng kỹ thuật là phòng quản lý chuyên môn trong bộ máy quản lý của Công ty có chức năng nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo (Tổng giám đốc) về công tác kỹ thuật, quản lý chất lượng công trình, công nghệ thi công công trình, công tác đấu thầu, nghiệm thu công trình, công tác áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công tác quản lý thi công của các đơn vị trực thuộc công ty.

- Phòng Vật tư thiết bị: Phòng vật tư thiết bị là phòng chuyên môn nghiệp vụ trong bộ máy quản lý của Công ty có chức năng nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo (Tổng giám đốc) về công tác quản lý vật tư, mua sắm vật tư nhiên liệu phục vụ cho các công trình, tham mưu cho lãnh đạo trong công tác quản lý, sửa chữa và khai thác thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- Phòng tài vụ (tài chính kế toán): Phòng tài vụ là phòng chuyên môn nghiệp vụ trong bộ máy quản lý của Công ty có chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty trong lĩnh vực tài chính- kế toán theo pháp luật nhà nước, nhằm khai thác, huy động và sử dụng vốn trong sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- **Phòng tổ chức hành chính:** Phòng tổ chức hành chính là phòng chuyên môn nghiệp vụ trong bộ máy quản lý của Công ty có chức năng nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo (Tổng giám đốc) về các mặt tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý, tổ chức cán bộ, công tác xây dựng quy hoạch và đào tạo cán bộ, đào tạo lực lượng công nhân lao động, thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động, công tác lao động tiền lương, thi đua khen thưởng và tham mưu cho lãnh đạo trong công tác hành chính quản trị, công tác tự vệ, công tác phòng cháy chữa cháy trong Công ty.

Đội thi công (3 đội):

- **Đội công trình 3:** Nhiệm vụ chính là thi công cầu cảng, các công trình giao thông.
- **Xưởng cơ khí:** Nhiệm vụ chính là gia công chế sửa cơ khí, xe máy thiết bị.
- **Xưởng Bê tông Đông Hòa:** Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn và vật liệu xây dựng.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Hùng Phong	Chủ tịch HĐQT-Tổng giám đốc
2	Nguyễn Trường Thọ	Thành viên HĐQT
3	Trần Văn Hoàn	Thành viên HĐQT-Phó Tổng giám đốc

4	Nguyễn Ngọc Luận	Thành viên HĐQT- Phó Tổng giám đốc
5	Lê Phong Khánh Bảo	Thành viên HĐQT
6	Trần Anh Tài	Kế toán trưởng
7	Trần Đạo Thuận	Trưởng ban kiểm soát
8	Trần Việt Phong	Thành viên ban kiểm soát
9	Nguyễn Vũ Khoa	Thành viên ban kiểm soát

4. Cơ cấu cổ đông

Vốn điều lệ thực góp của Công ty tính tới thời điểm 30/06/2014 là 9.604.000.000 đồng được chia thành 960.400 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

4.1 Cơ cấu vốn cổ phần tại thời điểm 30/06/2014

STT	Danh mục	Số cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Nhà nước	2	676.440	70,4
	<i>Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 – CTCP (CIENCO 6)</i>		580.400	60,4
	<i>Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)</i>		96.040	10,0
2	Cổ đông trong nước	25	283.960	29,6
	<i>Cá nhân trong nước</i>	25	283.960	29,6
	<i>Tổ chức trong nước</i>	0	0	0
3	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	<i>Cá nhân nước ngoài</i>	0	0	0
	<i>Tổ chức nước ngoài</i>	0	0	0
	TỔNG CỘNG	27	960.400	100

Nguồn: CTCP Công trình giao thông 68

4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ 5% cổ phần trở lên tại 30/06/2014

STT	Tên	Tổng số CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	<i>Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 – CTCP (CIENCO 6)</i>	580.400	60,4
2	<i>Ông Nguyễn Thanh Quang</i>	127.600	13,3
3	<i>Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)</i>	96.040	10,0
4	<i>Nguyễn Hùng Phong</i>	83.200	8,7
	Tổng cộng	887.240	92,4

Nguồn: CTCP Công trình giao thông 68

4.3 Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con, công ty liên kết với Công ty 68

- ✓ **Công ty con, Công ty liên kết:** Không có
- ✓ **Công ty mẹ:** Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 – CTCP (CIENCO 6)
 - Địa chỉ: 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng trong và ngoài nước; Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và cấu kiện bê tông đúc sẵn; Đầu tư xây dựng các dự án theo phương thức BT, BOT; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp; v.v....

5. Hoạt động kinh doanh

5.1 Sản phẩm của Công ty

Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68 là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Công ty là xây dựng các công trình giao thông vừa và nhỏ.

Tình hình Doanh thu và lợi nhuận gộp qua các năm:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2012	2013	Quý 2/2014
Doanh thu	38.293	34.066	11.110
Lợi nhuận gộp	(846)	9.371	(27.261)

Nguồn: Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68

Trong những năm vừa qua, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty không được thuận lợi. Năm 2012, với chi phí đầu vào tăng mạnh, do đó doanh thu tạo ra không đủ bù đắp chi phí giá vốn, dẫn đến lợi nhuận gộp âm hơn 800 triệu đồng. Năm 2013, nhờ việc kiểm soát tốt hơn các chi phí đầu vào và thi công các công trình từ Ban quản lý dự án khu vực đầu tư xây dựng Quận 8 và khu vực Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, do đó lợi nhuận gộp mà Công ty đạt được khá ấn tượng, hơn 9,3 tỷ đồng, mặc dù doanh thu tạo ra so với năm 2012 là không nhiều.

Trong 6 tháng đầu năm 2014, hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn tương tự như năm 2012 khi doanh thu tạo ra không đủ bù đắp chi phí giá vốn quá cao. Bên cạnh đó, có một số hợp đồng thi công công trình sau khi Công ty ký Hợp đồng thì các chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng mạnh, do đó Công ty phải gánh chịu thêm các khoản chi phí phát sinh này dẫn đến lợi nhuận gộp bị lỗ nặng hơn 27,2 tỷ đồng.

5.2 Nguyên vật liệu

- Nguyên vật liệu:

Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68 là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, ngành nghề kinh doanh chủ yếu là xây dựng công trình giao thông, xây dựng cầu cảng, đường cao tốc, gia công sửa chữa cơ khí, dịch vụ, khoan cọc nhồi, đóng cọc, ép cọc, thử tải tĩnh, v.v.....

- Sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu:

Hầu hết các loại nguyên vật liệu xây dựng sử dụng trực tiếp để cấu thành nên công trình, do vậy, chi phí nguyên vật liệu chiếm 70-80% giá trị sản phẩm xây dựng. Chính vì vậy, sự ổn định của nguồn nguyên liệu từ khâu sản xuất, giá cả nguồn cung cấp, vận chuyển, bảo quản, số lượng, chất lượng vật tư sẽ rút ngắn được thời gian thi công đảm bảo tiến độ chất lượng công trình, giảm chi phí sản xuất tăng lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty coi trọng tìm kiếm nguồn vật liệu xây dựng, các nhà sản xuất cung cấp tiềm năng với giá cả cạnh tranh phù hợp với từng công trình tạo nên sự phát triển bền vững trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các sản phẩm chủ yếu là các công trình xây dựng, trong đó tỷ trọng nguyên vật liệu chiếm tỷ lệ khá lớn trong giá thành. Do vậy sự biến động giá cả của các nguyên vật liệu như: nhiên liệu, đá, cát, thép, xi măng... sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như lợi nhuận của Công ty.

- Các nhà cung cấp nguyên vật liệu

STT	Tên nguyên vật liệu	Mục đích sử dụng	Xuất xứ	Nhà cung cấp
-----	---------------------	------------------	---------	--------------

1	Sắt thép các loại	Cầu, cảng ...	Trong nước	Cty trong nước
2	Xi măng các loại	Cầu, cảng ...	Trong nước	Cty trong nước
3	Que hàn, kẽm buộc...	Cầu, cảng ...	Trong nước	Cty trong nước
4	Và một số loại vật tư khác	Cầu, cảng ...	Trong nước	Cty trong nước

Nguồn: Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68

5.3 Chi phí sản xuất qua các năm

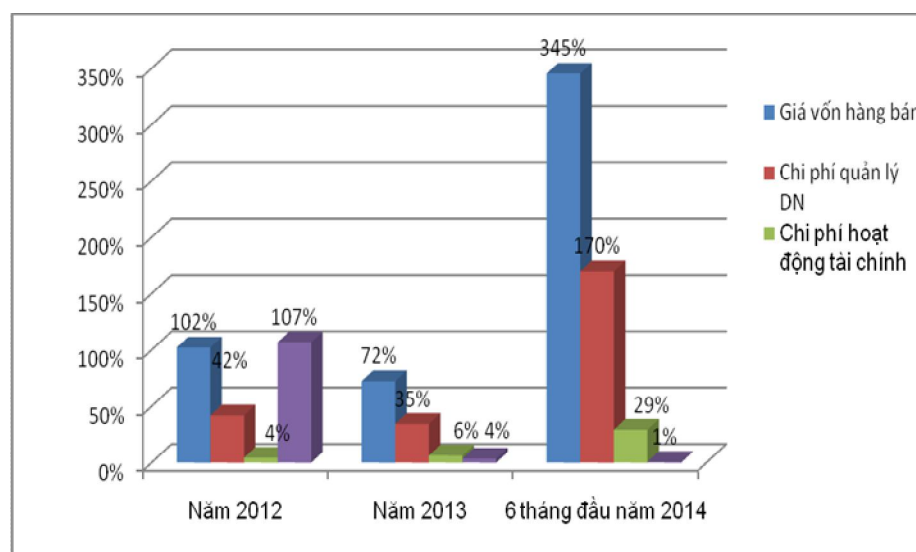
Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		6 tháng năm 2014	
	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu
Giá vốn hàng bán	39.038	102%	24.695	72%	38.371	345,38%
Chi phí quản lý DN	15.992	42%	11.760	35%	18.881	169,95%
Chi phí hoạt động TC	1.680	4%	2.191	6%	3.257	29,32%
Chi phí khác	40.851	107%	1.266	4%	85	0,76%
Tổng cộng	97.561	148%	39.911	113%	60.594	545%

Nguồn: Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68

Biểu đồ 4: Cơ cấu chi phí qua các năm

Tỷ trọng các chi phí so với tổng doanh thu



Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty là chi phí giá vốn hàng bán, chiếm 102% và 72% lần lượt cho năm 2012 và 2013, và tỷ trọng này tăng lên một cách đột biến lên 345% trong 6 tháng đầu năm 2014, nguyên nhân chủ yếu là do chi phí đầu vào tăng mạnh khi Công ty tiến hành thi công công trình so với lúc ban đầu Công ty ký hợp đồng thi công công trình.

Chiếm tỷ trọng lớn thứ hai sau giá vốn là chi phí quản lý doanh nghiệp, năm 2012 chiếm 42%, đến năm 2013 tỷ trọng này giảm hơn so với năm trước, tuy nhiên không đáng kể. Nửa năm 2014, chi phí này tăng lên một cách đáng kể tăng đến 169,95%.

Hai chi phí còn lại trong cơ cấu chi phí là chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác, tuy nhiên tỷ trọng chi phí khác được giảm dần qua các năm từ 102% năm 2012 giảm xuống còn 0,76% trong năm nửa năm 2014. Ngược lại với chi phí khác, tỷ trọng của chi phí hoạt động tài

chính tăng dần qua các năm và chi phí này chủ yếu đến từ chi phí lãi vay của Công ty.

5.4 Trình độ công nghệ

Danh mục một số máy móc, thiết bị thi công của Công ty như sau:

Stt	Tên tài sản	Nước sản xuất	Năm sử dụng
1	Máy khoan cọc nhồi	Đức	1990
2	Cầu Liebherr 70T	Đức	1990
3	Sà lan	VN	1995

Nguồn: CTCP Công trình giao thông 68

5.5 Một số hợp đồng lớn đã và đang thực hiện:

Stt	Các dự án	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Ghi chú
1	Ban quản lý dự án khu vực đầu tư Quận 8	63.909.621.272	Đã hoàn thành
2	Ban quản lý dự án Biên Hòa	40.166.160.000	Đã hoàn thành
3	Dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 1 TPHCM, tuyến Bến Thành – Suối Tiên	918.000.000	Đang thực hiện
4	Dự án khu kho Cảng, khu dân cư và tái sinh định cư An Sơn	4.679.355.000	Đã hoàn thành
5	Ban quản lý dự án đường Liên Cảng Cái Mép Thi Vải	145.535.118.000	Đã hoàn thành

Nguồn: CTCP Công trình giao thông 68

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong khoảng 3 năm gần đây

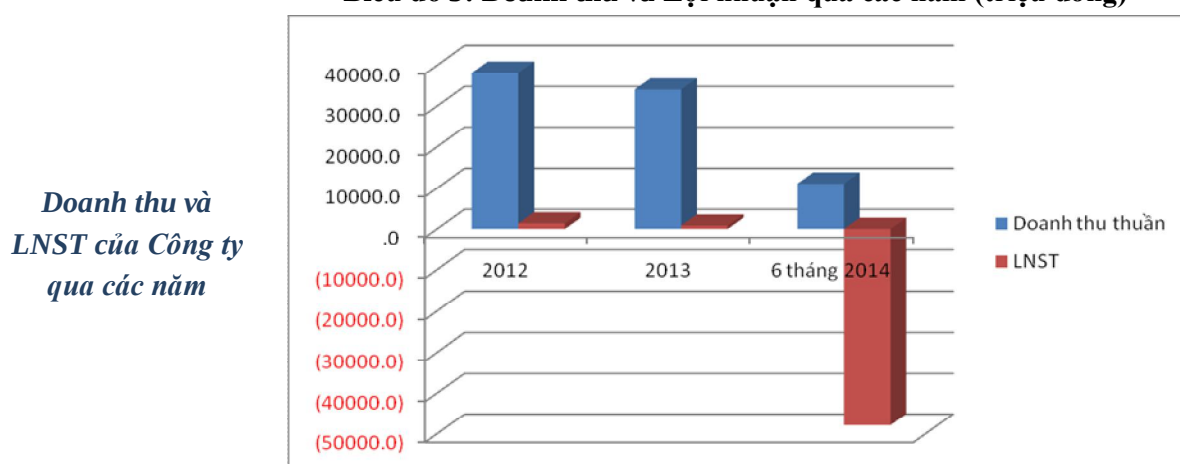
Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2012	Năm 2013	30/06/2014
Doanh thu thuần	38.193	34.066	11.110
Lợi nhuận gộp	-846	9.371	-27.261
Lợi nhuận từ HĐKD	-16.838	-2.389	-48.968
Lợi nhuận trước thuế	1.688	1.418	-47.885
Thuế thu nhập doanh nghiệp	311	572	0
Lợi nhuận sau thuế	1.378	846	(47.885)
Tỷ lệ lợi nhuận gộp/Doanh thu	-2,21%	27,51%	-245,38%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	3,61%	2,48%	-431,01%
Hệ số LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	14,34%	8,09%	132,93%
Hệ số LNST / Tổng tài sản (ROA)	1,07%	0,71%	-57,19%

Nguồn: CTCP Công trình giao thông 68

6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Biểu đồ 5: Doanh thu và Lợi nhuận qua các năm (triệu đồng)



Đơn vị: Triệu đồng

Tình hình doanh thu của Công ty qua các năm đang có xu hướng giảm. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty đều không thể bù đắp được cho các chi phí liên quan đến hoạt động này. Năm 2012, lỗ từ hoạt động kinh doanh là gần 17 tỷ đồng, nhưng nhờ doanh thu từ các hoạt động khác nên Công ty vẫn thu về được lợi nhuận 1,7 tỷ đồng. Sang năm 2013, tuy sản lượng doanh thu thấp hơn 2012 nhưng do chi phí thấp nên Công ty chỉ lỗ 2,4 tỷ đồng từ hoạt động kinh doanh, đồng thời doanh thu từ các hoạt động khác đã giúp Công ty thu về lợi nhuận 1,4 tỷ đồng. Năm 2014 là năm rất khó khăn của Công ty khi chỉ 6 tháng đầu năm khoản lỗ từ hoạt động kinh doanh đã là 46 tỷ đồng, và Công ty đang ghi nhận khoản lỗ từ các hoạt động khác nên hiện tại tính đến 6 tháng đầu năm 2014 thì Công ty đang lỗ 47,9 tỷ đồng.

7. Thuận lợi và khó khăn của Công ty

7.1 Một số thuận lợi và khó khăn

- Thuận lợi:

- + Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn vượt qua khủng hoảng tài chính và hòa nhập với nền kinh tế thế giới sẽ tạo nhiều cơ hội để Công ty phát huy khả năng, tìm kiếm đối tác để hợp tác đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, tạo việc làm ổn định, nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên, tiếp tục củng cố, nâng cao thương hiệu;

- + Các thành viên trong HĐQT đều là những cán bộ đang công tác và nắm giữ các vị trí chủ chốt trong Công ty, có năng lực, kinh nghiệm và thật sự tâm huyết.
- + Cán bộ công nhân viên trong Công ty đã tin tưởng vào đường lối phát triển của Công ty, đoàn kết cùng quyết tâm khắc phục khó khăn phấn đấu hoàn thiện nhiệm vụ.
- Khó khăn:
 - + Công ty đã và đang thật sự gặp khó khăn, ách tắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh mà nguyên nhân là do cơ chế chính sách của Nhà Nước, do một số công trình kéo dài chưa thanh quyết toán, công nợ tồn đọng không thu hồi được, nợ phải trả ngân hàng, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và nợ khách hàng đã làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của Công ty.
 - + Lạm phát cao thúc đẩy chi phí hoạt động kinh doanh tăng đáng kể, làm giảm lợi nhuận biên của Công ty. Chi phí sử dụng vốn trong nền kinh tế cao góp phần làm giảm lợi nhuận biên của Công ty;
 - + Hiện nay các khoản phải trả cho khách hàng khá lớn, chủ yếu là các nhà cung cấp vật tư xây dựng như sắt, thép, xi măng (chủ yếu là các nhà cung cấp Đức Toàn, Sơn Hải, Bê tông Trà My, Công ty Nghĩa Thành, v.v.....). Bên cạnh đó, Công ty còn nợ CBCNV là khoảng 4,7 tỷ đồng tiền mặt và 2,4 tỷ đồng mà CBCNV vay hộ cho Công ty, với mức lãi suất vay từ 1,2%/tháng đến 2,4% tháng.
 - + Các khoản phải thu của Công ty vẫn còn tồn đọng, khó thu hồi, hơn 53,3 tỷ đồng đã được Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi, trong đó đáng kể là các công trình cầu vượt Nguyễn Hữu Cánh, cầu Rạch Ngã Tư, cầu Cửa Lấp, các cầu qua kênh Nhiều Lọc, v.v.... Hầu hết các công trình này đang quyết toán và kéo dài ít nhất từ 5 năm trở lên, thậm chí có công trình kéo dài hơn 10 năm như cầu vượt Nguyễn Hữu Cánh mà vẫn chưa quyết toán xong ngân sách nhà nước. Ngoài ra, các công trình thử tải khác khả năng cũng sẽ không thu hồi được vì các doanh nghiệp nợ Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68 đều là các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản thua lỗ, thậm chí giải thể nên không thể thu được. Do vậy Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68 mất cân đối về tài chính và hiện đang lỗ nặng nề hơn 45,6 tỷ đồng, nên Công ty khó tham gia các hoạt động đầu thầu.

7.2 Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam đang trên đà phát triển, nhu cầu về giao thông vận tải và xây dựng dân dụng, công nghiệp là rất lớn. Để phát huy hết tiềm năng phát triển của các địa phương và quốc gia, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực xây dựng và cơ sở hạ tầng nhằm tạo điều kiện và cơ chế thông thoáng nhằm thu hút nguồn đầu tư trong nước và quốc tế, nhanh chóng phát triển cơ sở hạ tầng. Do đó, ngành xây dựng hạ tầng giao thông vẫn có triển vọng phát triển tốt. Cụ thể:

Nghị quyết số 13 Trung Ương đã được ban hành với định hướng đẩy mạnh đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng với các mục tiêu sau:

- Ưu tiên nâng cấp QLô 1A, hoàn thành phần lớn vào năm 2015 và hoàn thành toàn tuyến vào năm 2020. Duy tu, nâng cấp các tuyến quốc lộ. Đầu tư và nối thông tuyến đường Hồ Chí Minh và nâng cấp đoạn qua Tây Nguyên. Đầu tư các tuyến có hạ tầng yếu kém trên tuyến đường ven biển. Nối thông tuyến đường biên giới phía Bắc, phía Tây, Tây Nam. Nâng cấp một số tuyến giao thông hành lang kinh tế Đông Tây.
- Ưu tiên đầu tư một số đoạn đường bộ cao tốc tuyến Bắc Nam, tuyến nội Hà Nội – TP.HCM với mục tiêu hoàn thành 600km và 2.000km đường cao tốc vào năm 2015 và 2020.
- Ưu tiên đầu tư nâng cấp các công trình giao thông quan trọng trong hệ thống giao thông của khu vực phía Bắc, Tây Bắc và vùng đồng bằng sông Cửu Long.
- Đẩy mạnh thu hút vốn ODA và các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư phát triển hạ tầng, ưu tiên bố trí vốn đối ứng và tháo dỡ khó khăn để đẩy nhanh tiến độ giải ngân, hoàn thành

dự án, hoàn thiện cơ chế khuyến khích đầu tư theo hình thức BT, PPP, BOT. Cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo thông thoáng, thuận lợi và giảm chi phí cho các nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2013, bản kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2014 của Bộ Giao thông Vận tải, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo ngành Giao thông Vận tải cần đặc biệt quan tâm đẩy mạnh đầu tư phát triển Hạ tầng giao thông là lĩnh vực quan trọng trong đột phá chiến lược về kết cấu hạ tầng, để vừa tăng năng lực vận tải vừa tạo thuận lợi phát triển sản xuất, tạo việc làm, bảo đảm an ninh, quốc phòng và nâng cao đời sống nhân dân...

Trong năm 2014, Bộ GTVT sẽ khởi công xây dựng 35 công trình và hoàn thành 58 dự án lớn. Riêng các dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh đoạn qua khu vực Tây Nguyên sẽ phấn đấu hoàn thành vào năm 2016. Bên cạnh đó, Bộ GTVT sẽ tập trung chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ công trình, đặc biệt các công trình trọng điểm như dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1, đường Hồ Chí Minh đoạn qua khu vực Tây Nguyên, các dự án đường cao tốc... nên tiềm năng trường ngành là rất lớn.

7.4 Triển vọng Công ty

Công ty có định hướng phát triển bền vững, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào thi công công trình; tập trung xây dựng vị thế vững chắc của Công ty trong ngành xây dựng cơ bản của đất nước.

Hội đồng quản trị cùng ban lãnh đạo Công ty luôn đề ra những giải pháp đúng đắn như đẩy mạnh vào lĩnh vực xây dựng cơ bản nhất là các dự án có sẵn vốn & giải ngân theo tiến độ nhằm phục vụ nhu cầu của đơn vị giảm thiểu nhất các chi phí thi công. Hội đồng quản trị trên cơ sở cập nhập thông tin, phân tích tình hình thị trường, hội đồng quản trị đã định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc để chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch đề ra. Đề ra các nhóm giải pháp như tập trung thi công những công trình dự án đang có vốn, tạm dừng hoặc trả lại các dự án không khả thi và không có vốn, tiết kiệm chi phí, không đầu tư dàn trải... để thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ trong những năm tới trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Cơ cấu lao động

Tổng số người lao động trong Công ty tính đến thời điểm 30/09/2014 là 76 người với cơ cấu lao động như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng (người)
Theo tính chất hợp đồng lao động	
+ Hợp đồng có xác định thời hạn	16
+ Hợp đồng không xác định thời hạn	63
+ Hợp đồng theo thời vụ	20
Tổng cộng	99
Theo trình độ lao động	
+ Trên đại học	02
+ Đại học	20
+ Cao đẳng	02
+ Trung cấp	08
+ Phổ thông	60
+ Khác	07
Tổng cộng	99

Nguồn: CTCP Công trình giao thông 68

❖ **Bố trí sử dụng lao động:**

- Hợp đồng thời vụ: Phục vụ cho các công việc tại các công trường, khi có việc bắt đầu ký hợp đồng. Chế độ bảo hiểm được tính vào lương, có hợp đồng được cơ quan quản lý lao động cấp quận, huyện kiểm tra là phù hợp với luật pháp.
- Còn lại hợp đồng có thời hạn đến không xác định thời hạn được đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ, không nợ tiền bảo hiểm.

❖ **Thu nhập người lao động**

Đơn vị: triệu đồng

Tiêu chí	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1. Tổng quỹ lương	4.842.183.868	7.712.946.143	5.862.737.056
2. Các khoản thưởng	681.850.000	582.750.000	503.400.000
3. Tổng thu nhập	5.524.033.868	8.295.696.143	6.366.137.056
4. Tiền lương bình quân	3.000.000	3.000.000	3.500.000
5. Thu nhập bình quân	3.000.000	3.000.000	3.500.000

Nguồn: CTCP Công trình giao thông 68

9.2 Chính sách đối với người lao động

Nhằm vươn tới mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:

- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.
- Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của Công ty nhằm gia tăng về chất.
- Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng cống hiến và thị trường.
- Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với chế độ, chính sách quy định.
- Có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2005, và theo quy định của Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty. Theo đó, phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức do Hội đồng quản trị xây dựng và đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc:

- Cổ tức sẽ được thông báo và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.
- Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của Pháp luật và ngay khi trả hết các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, đồng thời phải đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ trả cổ tức cho cổ đông trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả hoạt động kinh doanh và kế hoạch kinh doanh của năm tiếp theo.

11. Tình hình tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản**11.1.1 Trích khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25	năm
- Máy móc, thiết bị	10 – 12	năm
- Phương tiện vận tải	10	năm
- Thiết bị quản lý	8 – 10	năm

11.1.2 Tình hình công nợ hiện nay**❖ Các khoản phải thu**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	31.154	28.948	5.635
Phải thu của khách hàng	37.417	30.587	28.200
Trả trước cho người bán	27.187	31.314	27.085
Các khoản phải thu khác	3.104	3.598	3.68
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-36.553	-36.550	-53.360
II. Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0

Nguồn: CTCP Công trình giao thông 68

Tình hình hoạt động kinh doanh trong những năm qua suy giảm, nên các khoản phải thu của Công ty cũng giảm theo, trong đó giảm mạnh nhất là nửa năm 2014, giảm còn 5,6 tỷ đồng trong khi năm 2013 được khoản này đạt gần 29 tỷ và năm 2012 là hơn 31 tỷ. Doanh thu suy giảm trong khi dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi lại tăng lên 146% so với năm 2013 và 2012.

❖ Các khoản phải trả

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
I. Nợ ngắn hạn	118.746	108.345	119.758
Vay và nợ ngắn hạn	4.488	8.237	12.319
Phải trả người bán	22.311	26.149	33.782
Người mua trả tiền trước	67.224	45.832	41.257
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.099	11.409	12.720
Phải trả người lao động	-	-	2.504
Chi phí phải trả	6.497	6.966	6.966
Phải trả nội bộ	6.202	6.108	6.351
Các khoản phải trả phải nộp khác *	1.923	3.643	3.857
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2	2	2
II. Nợ dài hạn	0	0	0
Doanh thu chưa thực hiện	0	0	0
Tổng Nợ phải trả	118.746	108.345	119.758

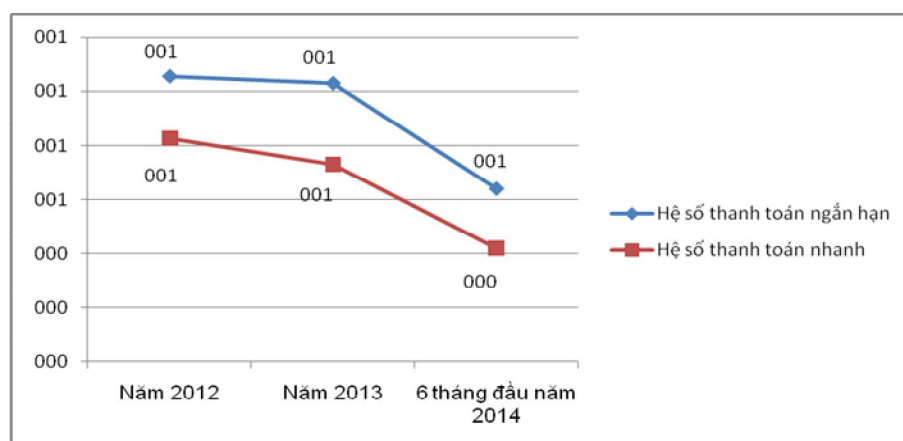
Nguồn: CTCP Công trình giao thông 68

Khoản vay và nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao và tăng dần qua các năm, năm 2013 tăng 184% so với năm 2012, khoản vay này đến từ việc vay công nhân viên, vay từ ngân hàng BIDV- chi nhánh Vũng Tàu nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và từ Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (DATC). Đến 6 tháng đầu năm 2014 khoản này lại tiếp tục tăng, và tăng tới 150% so với năm 2013.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	6 tháng đầu năm 2014
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,05	1,03	0,64
Hệ số thanh toán nhanh	0,83	0,73	0,42
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ/Tổng tài sản	92,52%	91,20%	143,02%
Vay/Tổng tài sản	3,50%	6,93%	14,71%
Nợ/Vốn chủ sở hữu	1236%	1036%	-332%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay các khoản phải thu	1,23	1,18	1,97
Vòng quay các khoản phải trả	0,34	0,25	0,36
Vòng quay hàng tồn kho	1,45	0,77	1,44
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	30%	29%	13%
Chỉ tiêu về tăng trưởng và cơ cấu chi phí			
Tăng trưởng doanh thu thuần	#DIV/0!	-11%	-67%
Tỷ lệ giá vốn/Doanh thu thuần	102%	72%	345%
Tỷ lệ Doanh thu tài chính/Doanh thu thuần	12,62%	5,36%	3,88%
Tỷ lệ chi phí tài chính/Doanh thu thuần	4,4%	6,4%	29,3%
Tỷ lệ chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	-	-	-
Tỷ lệ doanh thu khác/Doanh thu thuần	147,2%	16,0%	10,5%
Tỷ lệ chi phí khác/Doanh thu thuần	106,96%	3,72%	0,76%
Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần	41,9%	34,5%	170,0%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,61%	2,48%	-431,01%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	14,34%	8,09%	132,93%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,07%	0,71%	-57,19%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	-44,09%	-7,01%	-415,33%

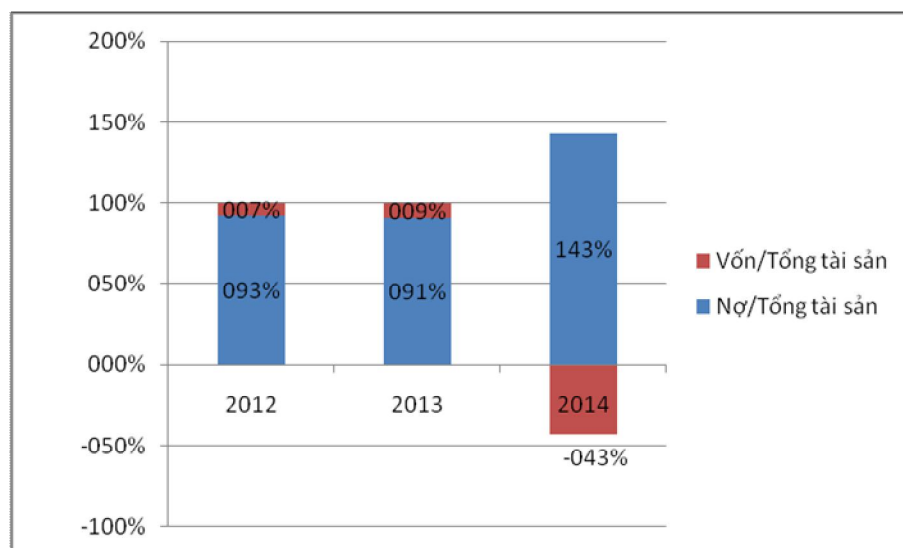
Biểu đồ 6: Khả năng thanh toán giai đoạn 2012-2014

**Khả năng thanh
khoản**

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty trong hai năm 2012, 2013 ở mức trên 1, điều này cho thấy Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ bằng cách huy động tài sản ngắn hạn. Năm 2014 khả năng thanh toán đã suy giảm, và đe dọa đến khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong thời gian tới. Biên độ chênh lệch giữa hai hệ số thanh toán nhanh và ngắn hạn là tương đối ổn định. Lý do của biên độ chênh lệch này là giá trị hàng tồn kho chiếm tỷ trọng tương đối trong tổng giá trị tài sản ngắn hạn của Công ty, lần lượt là 22%, 29% và 35% trong 3 năm. Hệ số thanh toán nhanh đều dưới 1 cho thấy nếu Công ty cần phải thanh toán nợ nhanh, Công ty buộc phải sử dụng đến hàng tồn kho và điều này sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

Trên thực tế, Công ty đã trích khoản dự phòng cho các khoản phải thu là khá lớn, do đó, theo đánh giá của chúng tôi, rủi ro nợ xấu ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ của Công ty đã được tiết giảm.

Biểu đồ 7: Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2011-2013

**Nợ phải trả chiếm
tỷ trọng tương cao
cơ cấu tài sản**

Biểu đồ cơ cấu nợ cho ta thấy khả năng duy trì hoạt động của Công ty hiện tại đang rất khó khăn. Trong hai năm 2012 và 2013, số vốn chủ sở hữu của Công ty chỉ chiếm tỷ trọng lần lượt là 7,5% và 8,8% trên tổng giá trị Công ty. Tỷ lệ nợ/vốn theo trung bình ngành là 3:1 tương ứng với vốn chủ sở hữu chiếm khoảng 30-35% tổng tài sản.

Sau 6 tháng đầu năm 2014, Công ty hiện đang có lợi nhuận từ kết quả hoạt động kinh doanh là lỗ gần 48 tỷ đồng, do đó khoản lỗ lũy kế này đã vượt quá những khoản khác trong vốn chủ sở hữu

của Công ty và hiện tại Công ty đang ghi nhận khoản âm 36 tỷ đồng cho vốn chủ sở hữu. Tình hình kinh doanh thua lỗ, cộng với khoản nợ lớn phát sinh thêm chi phí lãi vay sẽ là gánh nặng lớn cho tình hình tài chính Công ty

11.3 Một số thông tin lưu ý về BCTC 2013 đã kiểm toán

- Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Cho đến thời điểm lập báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán phù hợp làm cơ sở cho việc xác định tính hiện hữu và giá trị của số dư các khoản: tiền mặt (mục V.1 trang 11 thuyết minh báo cáo tài chính), phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu khác (mục V.2 trang 12 thuyết minh báo cáo tài chính), hàng tồn kho (mục V.3 trang 13 thuyết minh báo cáo tài chính), chi phí trả trước ngắn hạn, tạm ứng (mục V.4 trang 13 thuyết minh báo cáo tài chính), tài sản cố định (mục V.5 trang 14 thuyết minh báo cáo tài chính), phải trả người bán, người mua trả tiền trước, chi phí phải trả và phải trả nội bộ (mục V.9 trang 15 thuyết minh báo cáo tài chính).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 68 tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

12. Tài sản

12.1 Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 30/06/2014

Giá trị tài sản của Công ty tại thời điểm 30/06/2014: 83.735.812.728 đồng

Trong đó:

Tài sản ngắn hạn: 76.787.159.217 đồng

Tài sản dài hạn: 6.948.653.511 đồng

Tình hình tài sản cố định của Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68 tại thời điểm 30/06/2014 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	42.768	41.553	1.215
Nhà xưởng vật kiến trúc	4.423	4.423	0
Máy móc thiết bị	21.201	20.632	569
Phương tiện vận tải truyền dẫn	16.412	15.765	647
Thiết bị dụng cụ quản lý	732	732	0
Tài sản cố định vô hình	4.500	0	4.500

Nguồn: CTCP Công trình giao thông 68

12.2 Tình hình sử dụng đất đai

TT	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Mục đích sử dụng	Tình trạng
1	126/20 Đặng Văn Bi (Khu phố 5)	3145,7	Bãi đậu xe cơ giới VP xưởng sc xe máy, nhà ở của CB CNV	Đất thuê
2	126/20 Đặng Văn Bi (Khu phố 2)	1297,9	Văn phòng Công ty, xưởng gia công cơ khí	Đất thuê
3	Phường Tân Phú, quận 9	4658,1	Nhà kho, kho bãi chứa vật tư	Đất thuê
4	Ấp Tân Lập, Xã Đông Hòa, Bình Dương	6.372,7	Văn phòng xưởng, kho bãi đúc dầm	Đất thuê
5	Số 34, lô C, ấp Song Vĩnh, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	37.993	Kho bãi chứa vật tư	Có QSDĐ

Nguồn: CTCP Công trình giao thông 68

Ghi chú: Khu đất ở Ấp Tân Lập, Xã Đông Hòa, Bình Dương, Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68 có chủ quyền sử dụng đất do UBND tỉnh Sông Bé cấp với tổng diện tích 38.726m². Thực hiện việc thu hồi đất của Thủ tướng chính phủ để xây dựng Đại học Quốc gia, năm 2012 Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68 đã bàn giao cho Đại học Quốc gia 33.278,16m² đất. Diện tích còn lại hiện nay là 6.372,7m².

13. Kế hoạch phát triển kinh doanh trong thời gian tới

Công ty có định hướng phát triển bền vững, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào thi công công trình; tập trung xây dựng vị thế vững chắc của Công ty trong ngành xây dựng cơ bản của đất nước.

Hội đồng quản trị cùng ban lãnh đạo Công ty luôn đề ra những giải pháp đúng đắn như đẩy mạnh vào lĩnh vực xây dựng cơ bản nhất là các dự án có sẵn vốn & giải ngân theo tiến độ nhằm phục vụ nhu cầu của đơn vị giảm thiểu nhất các chi phí thi công. Hội đồng quản trị trên cơ sở cập nhật thông tin, phân tích tình hình thị trường, hội đồng quản trị đã định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc để chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch đề ra. Đề ra các nhóm giải pháp như tập trung thi công những công trình dự án đang có vốn, tạm dừng hoặc trả lại các dự án không khả thi và không có vốn, tiết kiệm chi phí, không đầu tư dàn trải...để thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ trong những năm tới trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế.

Để duy trì hoạt động cũng như tăng cường khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong cơ chế thị trường, tăng cường khả năng trả nợ cho các chủ nợ, Công ty đã có một số công trình chủ yếu như sau:

1/ Thi công Cầu Rạch Mương – Vũng Tàu	70 tỷ đồng
2/ Khoan cọc tuyến Metro Bến Thành – Suối Tiên	150 tỷ đồng
3/ Các dự án tuyến Bến Lức – Long Thành	34 tỷ đồng
4/ Và một số công trình đang tiếp cận khác	50 tỷ đồng

❖ Dự kiến một số chỉ tiêu tài chính cho các năm tới

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2014	2015
----------	------	------

Doanh thu thuần	55.000.000.000	58.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế	1.100.000.000	1.160.000.000
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2%	2%
Vốn chủ sở hữu	9.604.000.000	9.604.000.000
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	11%	12%
Cổ tức (% lợi nhuận sau thuế)	4%	6%

Nguồn: CTCP Công trình giao thông 68

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) đã tiến hành khảo sát Doanh nghiệp, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty qua các năm 2011, 2012, 2013; căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết cũng như sự tăng trưởng nhu cầu về các sản phẩm của Công ty giai đoạn 2014 - 2015, với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp phát triển kinh doanh, trong trường hợp nền kinh tế vĩ mô không có biến động lớn theo hướng tiêu cực thì SHS đánh giá kế hoạch doanh thu của Công ty được xây dựng trong giai đoạn 2014 -2015 là hợp lý.

Ý kiến đánh giá trên đây được SHS đưa ra trên cơ sở nghiên cứu và lý thuyết về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, của ngành và của Công ty. Những đánh giá trên đây của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

VII. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ chào bán cổ phần của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68, được cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm mục đích giúp các nhà đầu tư có thể tự đánh giá về tài sản, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng của Công ty trong tương lai. Các thông tin này không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Công trình giao thông 68 cung cấp đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định mua cổ phần.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2014

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN

CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP. HCM

GIÁM ĐỐC

KIỀU NGỌC CẦU

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP BÁN ĐẦU GIÁ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 68
GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN HÙNG PHONG

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẦU GIÁ
CN.TPHCM - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
PHÓ GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

PHẠM THỊ THANH NHÀN